

# LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

## QUYỂN 173

### LUẬN VỀ NHIẾP (Phần 8)

Năm Diệu dục, đó là do mắt mà biết Sắc đáng yêu-đáng mừng-đáng vui, như Ý có thể dẫn đến ham muốn Sắc có thể nhiễm trước; cho đến do Thân mà biết Xúc đáng yêu-đáng mừng-đáng vui, như Ý có thể dẫn đến ham muốn Xúc có thể nhiễm trước.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh. Như trong kinh nói: “Do mắt mà biết Sắc đáng yêu-đáng mừng-đáng vui...” Trong kinh tuy nói ra điều này, mà không phân biệt rộng ra, kinh là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì mà kinh không giải thích, thì nay cần phải giải thích, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là do mắt mà biết Sắc là Diệu dục?

Đáp: Nếu Sắc của cõi Dục do Nhãn xúc mà sinh ra cảnh sở duyên của Ái.

Hỏi: Thế nào là do tai mà biết Thanh là Diệu dục?

Đáp: Nếu Thanh của cõi Dục do Nhĩ xúc mà sinh ra cảnh sở duyên của Ái.

Hỏi: Thế nào là do mũi mà biết Hương là Diệu dục?

Đáp: Nếu Hương của cõi Dục do Tỷ xúc mà sinh ra cảnh sở duyên của Ái.

Hỏi: Thế nào là do lưỡi mà biết Vị là Diệu dục?

Đáp: Nếu Vị của cõi Dục do Thiệt xúc mà sinh ra cảnh sở duyên của Ái.

Hỏi: Thế nào là do thân mà biết Xúc là Diệu dục?

Đáp: Nếu Xúc của cõi Dục do Thân xúc mà sinh ra cảnh sở duyên của Ái.

Hỏi: Do ý mà biết pháp, vì sao không lập làm Diệu dục?

Đáp: Đều là cảnh sở duyên của Ái thì lập làm Diệu dục, do ý mà biết pháp có lúc không phải là sở duyên của Ái, cho nên không lập làm Diệu dục.

Lại nữa, nếu pháp làm sở duyên của hai loại Ái thì lập làm Diệu dục, đó là do Nhân xúc mà sinh ra Ái và do Ý xúc mà sinh ra Ái, cho đến do Thân xúc mà sinh ra Ái và do Ý xúc mà sinh ra Ái; do ý mà biết pháp chỉ làm sở duyên của một loại Ái, đó là do Ý xúc mà sinh ra Ái, cho nên không lập làm Diệu dục.

Hỏi: Nếu như vậy thì Sắc-Thanh-Xúc của Tĩnh lự thứ nhất nên lập làm Diệu dục, bởi vì cũng làm sở duyên của hai loại Ái?

Đáp: Nếu pháp làm sở duyên của hai loại Ái, mà Ái ấy là pháp bất thiện thì lập làm Diệu dục, Sắc-Thanh-Xúc của Tĩnh lự thứ nhất, tuy làm sở duyên của hai loại Ái, mà Ái ấy là pháp vô ký, cho nên không lập làm Diệu dục.

Như bất thiện và vô ký, Ái cõi Dục và Ái cõi Sắc nói cũng như vậy.

Có người nói: Nếu pháp làm sở duyên của hai loại Ái, mà Ái là nhân duyên của Dâm thì lập làm Diệu dục, Sắc-Thanh-Xúc của Tĩnh lự thứ nhất, tuy làm sở duyên của hai loại Ái, mà không phải Ái là nhân duyên của Dâm, cho nên không lập làm Diệu dục. Bởi vì nghĩa này cho nên do ý mà biết pháp, không lập làm Diệu dục.

Lại nữa, nếu pháp là do cùng nhau mà thọ dụng thì lập làm Diệu dục, như nữ nối tiếp nhau do nam mà thọ dụng, nam nối tiếp nhau do nữ mà thọ dụng..., do ý mà biết pháp không phải là cùng nhau thọ dụng, cho nên không lập làm Diệu dục.

Lại nữa, nếu pháp là Thể tướng hiển bày thô thiển, phần nhiều sinh ra Ái thì lập làm Diệu dục; do ý mà biết pháp thì Thể tướng vi tế, không phải là phần nhiều sinh ra Ái, cho nên không lập làm Diệu dục.

Đã nói về tự tánh, nay sẽ nói đến nguyên cố.

Hỏi: Vì sao gọi là Diệu dục?

Đáp: Bởi vì Dục này tuyệt diệu, cho nên gọi là Diệu dục.

Hỏi: Dục này đều là hữu lậu, có nhiều những sai lầm, có công đức gì mà gọi là tuyệt diệu?

Đáp: Trong này cũng có phần ít công đức, đó là có thể sinh ra vui mừng cho nên nói là tuyệt diệu.

Lại nữa, các Dục thấp hèn mà đam mê ham muốn, tăng thêm phân biệt chọn lấy thanh tịnh tuyệt vời, cho nên nói là tuyệt diệu.

Lại nữa, các Dục xứng với ý đáng ham muốn, cho nên nói là tuyệt

diệu.

Lại nữa, các Dục là đam mê ham muốn, tôn sùng hy vọng giữ gìn, cho nên nói là tuyệt diệu.

Lại nữa, Dục này có thể tùy thuận tăng trưởng vị Ái của tham dục, cho nên nói là tuyệt diệu.

Tôn giả Diệu Âm nói rằng: “Đây là nơi người ngu khởi lên tưởng là tuyệt diệu, cho nên gọi là tuyệt diệu.”

Tôn giả Thế Hữu nói rằng: “Đây là sự yêu quý-sự mừng rỡ-sự vui thích-sự mong cầu của các tập khí ham muốn, cho nên gọi là Diệu dục.”

Tôn giả Giác Thiên nói rằng: “Các Dục tuy không phải là tuyệt diệu thuộc thắng nghĩa, mà là tuyệt diệu thuộc thế tục; tuy không phải là tuyệt diệu của cứu cánh, mà là tuyệt diệu của tạm thời, nghĩa là có thể không mấy chốc dẫn dắt sinh ra vui mừng, ngừng lại những khổ đau.”

Đại đức nói rằng: “Các Dục thấp kém mà tựa như thanh tịnh tuyệt diệu, cho nên nói là tuyệt diệu. Bởi vì nhân duyên này, cho nên gọi là Diệu dục.”

Như trong kinh nói: “Tỳ kheo Ca-mạc-ca đi đến nơi Đức Phật, đánh lễ dưới chân Đức Phật rồi thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Đức Phật thường nói về Dục, Dục là hiển bày về điều gì? Đức Phật nói rằng: Dục ấy chính là năm Diệu dục. Như thế nào là năm? Đó là do mắt mà biết Sắc đáng yêu-đáng mừng-đáng vui, như Ý có thể dẫn đến ham muốn Sắc có thể nhiễm trước...”

Hỏi: Thắng nghĩa về Dục thì đó là Ái, vì sao Đức Thế Tôn nói Sắc... gọi là Dục?

Đáp: Là Dục vốn có cho nên gọi là Dục, như niềm vui vốn có gọi là niềm vui, vết bản vốn có gọi là vết bản, phiền não vốn có gọi là phiền não, ở đây cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao biết được thắng nghĩa về Dục chỉ là Ái?

Đáp: Dựa vào A-kiệp-ma (a-hàm). Như “Tôn giả Xá-lợi-tử nói tụng (già-tha) rằng:

*Các cảnh Diệu của thế gian không phải Dục thật sự,  
Dục thật sự đó là người phân biệt rõ về tham,  
Cảnh tuyệt diệu nếu như vốn có ở tại thế gian,  
Thì người trí ở trong đó đã loại trừ tham dục.*

Lúc bấy giờ có ngoại đạo tà mạng đứng cách đó không xa, ngay tức thì dùng bài tụng vặn hỏi Xá-lợi-tử rằng:

*Nếu cảnh Diệu của thế gian không phải Dục thật sự,  
Nói Dục thật sự là người phân biệt rõ về tham,  
Thì Tỳ kheo phải gọi là người thọ nhận về Dục,  
Bởi vì khởi lên suy nghĩ phân biệt về xấu ác.*

Lúc ấy Xá-lợi-tử trả lời ngoại đạo rằng: Khởi lên suy nghĩ phân biệt về xấu ác thật sự gọi là thọ nhận về Dục. Lại vì ngoại đạo mà nói tụng rằng:

*Nếu cảnh Diệu của thế gian chính là Dục thật sự,  
Nói Dục không phải là người phân biệt rõ về tham,  
Thì thầy ông phải gọi là người thọ nhận về Dục,  
Bởi vì luôn luôn nhìn ngắm sắc tuyệt diệu vừa ý.*

Lúc ấy ngoại đạo im lặng không có thể trả lời.” Vì vậy biết Dục thật sự là Ái chứ không phải là cảnh.

Trong kinh nói: “Dục sinh khởi có ba loại:

1. Có các hữu tình ưa thích cảm thọ các cảnh Diệu dục hiện rõ trước mắt, lúc ấy ở trong cảnh Dục hiện rõ như vậy tự tại mà chuyển, gọi là người và phần ít của trời; người là toàn phần thuộc về nẻo người, phần ít của trời đó là bốn cõi trời dưới.

2. Có các hữu tình ưa thích cảm thọ các cảnh Diệu dục tự mình hóa ra, lúc ấy ở trong cảnh Diệu dục tự mình hóa ra, tự tại mà chuyển, gọi là cõi trời Lạc Biến Hóa thứ năm.

3. Có các hữu tình ưa thích cảm thọ các cảnh Diệu dục người khác hóa ra, lúc ấy ở trong cảnh Diệu dục người khác hóa ra tự tại mà chuyển, gọi là cõi trời Tha Hóa Tự Tại thứ sáu.”

Hỏi: Dựa vào đâu để kiến lập ba loại Dục sinh khởi này?

Đáp: Dựa vào cảm thọ như sinh khởi cảnh Dục hiện rõ trước mắt cho nên kiến lập loại thứ nhất, dựa vào cảm thọ như ưa thích cảnh Dục tự mình hóa ra cho nên kiến lập loại thứ hai, dựa vào cảm thọ như ưa thích cảnh Dục người khác hóa ra cho nên kiến lập loại thứ ba.

Hỏi: Vì sao người và trời ở bốn cõi trước cùng hợp lại kiến lập về Dục sinh khởi, trời ở hai cõi sau đều kiến lập riêng biệt?

Đáp: Phiền não của người và trời ở bốn cõi trước là thô thiển, phiền não của trời ở hai cõi sau là vi tế.

Lại nữa, phiền não của người và trời ở bốn cõi trước là sắc bén, phiền não của trời ở hai cõi sau là chậm chạp.

Lại nữa, phiền não của người và trời ở bốn cõi trước là nặng nề, phiền não của trời ở hai cõi sau là nhẹ nhàng. Vì vậy cho nên, người và trời ở bốn cõi trước thì kiến lập chung, trời ở hai cõi sau thì kiến lập

riêng biệt.

Có người nói: Cảnh của người và trời ở bốn cõi trước thì không mạnh mẽ, cảnh của trời ở hai cõi sau thì mạnh mẽ.

Lại nữa, cảnh của người và trời ở bốn cõi trước thì không đầy đủ, cảnh của trời ở hai cõi sau thì đầy đủ.

Lại nữa, cảnh của người và trời ở bốn cõi trước thì không thanh tịnh vi diệu, cảnh của trời ở hai cõi sau thì thanh tịnh vi diệu.

Lại nữa, cảnh của người và trời ở bốn cõi trước thì không làm cho tâm mất đi, cảnh của trời ở hai cõi sau thì làm cho tâm mất đi.

Lại nữa, cảnh của người và trời ở bốn cõi trước thì không có thể làm cho các căn mê muội, cảnh của trời ở hai cõi sau thì có thể làm cho các căn mê muội. Vì vậy cho nên, người và trời ở bốn cõi trước thì kiến lập chung, trời ở hai cõi sau thì kiến lập riêng biệt.

Có người nói: Người và trời ở bốn cõi trước rời bỏ đạo lìa Dục, xa việc Dâm thì khó dứt, cho nên hợp lại mà kiến lập; trời ở hai cõi sau rời bỏ đạo lìa Dục, gần việc Dâm mà dễ dứt, cho nên kiến lập riêng biệt.

Có người nói: Người và trời ở bốn cõi trước xúc chạm với nhau thì thành Dâm, cho nên hợp lại mà kiến lập; cõi trời thứ năm cùng cười với nhau thì thành Dâm, cõi trời thứ sáu cùng nhìn nhau thì thành Dâm, cho nên đều kiến lập riêng biệt.

Đây là dựa vào thí dụ để hiển bày về thời lượng sai biệt của việc Dâm mà nói, phần còn lại đã phân tích như trước.

Có người nói: Người và trời ở bốn cõi trước, cùng ưa thích thọ dụng cảnh sinh khởi tự nhiên, cho nên hợp lại kiến lập một loại; cõi trời thứ năm chỉ ưa thích thọ dụng cảnh do mình đã hóa ra, cõi trời thứ sáu chỉ ưa thích thọ dụng cảnh do người khác đã hóa ra, cho nên đều kiến lập một loại.

Năm Diệt dục này chỉ hệ thuộc cõi Dục, vì thế cho nên chỉ dựa vào Định Vị chí mà diệt.

Năm Học xứ, đó là xa rời đoạn dứt sinh mạng, xa rời trộm cắp, xa rời tà dâm, xa rời lời nói giả dối, xa rời uống rượu. Năm loại này nói rộng ra như chương Nghiệp Uẩn, đều hệ thuộc cõi Dục, cho nên chỉ dựa vào Định Vị chí mà diệt.

Sáu Nội xứ, sáu Ngoại xứ, sáu Thức thân, sáu Xúc thân, sáu Thọ thân, sáu Tưởng thân, sáu Tư thân, sáu Ái thân, dựa vào Định nào mà diệt?

Đáp: Năm Nội xứ, Sắc-Thanh-Xúc ngoại xứ, dựa vào bốn địa hoặc là Vị chí mà diệt; Ý nội xứ, Pháp ngoại xứ, Ý thức thân, và Xúc-

Thọ-Tướng-Tư-Ái thân tương ứng với nó, dựa vào bảy địa hoặc là Vị chí mà diệt; Hương-Vị ngoại xứ, Tỷ-Thiệt thức thân, và Xúc-Thọ-Tướng-Tư-Ái thân tương ứng với nó, dựa vào Vị chí mà diệt; Nhân-Nhĩ-Thân thức thân, và Xúc-Thọ-Tướng-Tư-Ái thân tương ứng với nó, dựa vào Tĩnh lực thứ nhất hoặc là Vị chí mà diệt.

Hỏi: Vì sao ở đây dựa vào sáu pháp mà soạn luận?

Đáp: Đó là ý của người soạn luận muốn như vậy, cho nên tùy theo ý ấy mà soạn luận, nhưng không trái với pháp tướng thì không cần phải vặn hỏi.

Lại nữa, không cần phải hỏi về ý của người soạn luận, bởi vì đây là trong kinh đã nói. Ở mọi nơi trong kinh, Đức Phật nói về các môn sáu pháp này, mà không phân biệt rộng ra, kinh là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì mà kinh không giải thích thì nay cần phải giải thích, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Gác lại ý của người soạn luận, thì vì sao trong kinh Đức Phật nói về các môn sáu pháp này?

Đáp: Có người nói: Bởi vì hiển bày về năm Uẩn và Nhân của nó. Nghĩa là nếu nói đến năm Nội xứ trước, năm Ngoại xứ trước, và một phần của Pháp xứ, thì hiển bày về Sắc uẩn; nếu nói đến sáu Thọ thân và một phần của Pháp xứ, thì hiển bày về Thọ uẩn; nếu nói đến sáu Tướng thân và một phần của Pháp xứ, thì hiển bày về Tướng uẩn; nếu nói đến sáu Xúc thân và một phần của Pháp xứ, thì hiển bày về Hành uẩn; nếu nói đến sáu Thức thân và Ý xứ, thì hiển bày về Thức uẩn; nếu nói đến sáu Tư thân-sáu Ái thân, thì hiển bày về Nhân của năm Uẩn.

Như trong kinh nói: “Nghiệp làm Nhân của Sinh, Ái làm Nhân của Khởi, Sinh Khởi tức là đã đạt được năm Uẩn.”

Có người nói: Bởi vì hiển bày về Nhân(tập) của ba loại là nghiệp-phiền não-khổ. Nghĩa là nếu nói đến sáu Tư thân thì hiển bày về Nhân của nghiệp, nếu nói đến sáu Ái thân thì hiển bày về Nhân của phiền não, nếu nói đến các môn sáu pháp khác thì hiển bày về Nhân của khổ.

Như bởi vì hiển bày về Nhân của ba loại như nghiệp..., như vậy bởi vì hiển bày về Sinh của ba loại như nghiệp..., về Đạo của ba loại như nghiệp..., nên biết cũng như vậy. Tự tánh của các môn sáu pháp, các chương như Tập Uẩn...đã nói.

Nhưng năm Nội xứ trước, và Sắc-Thanh-Xúc ngoại xứ, đều hệ thuộc năm địa, cho nên dựa vào bốn địa hoặc là Vị chí mà diệt. Trong đó, hệ thuộc cõi Dục thì dựa vào Định Vị chí mà diệt; cho đến hệ thuộc

Tĩnh lự thứ tư thì dựa vào bốn Tĩnh lự, Định Vị chí, Tĩnh lự trung gian, Cận phần Không vô biên xứ mà diệt.

Nhưng trong này đã nói về Định, có người nói: Dựa vào Định vô lậu mà nói. Có người nói: Dựa vào Định hữu lậu-vô lậu mà nói. Như trước đã phân biệt.

Đã nói về Diệt, nếu nói là dựa vào chủng loại của Diệt mà nói, thì đó là nói đến Vị chí đã thâm nhiếp Định Vị chí, Tĩnh lự trung gian, Cận phần của bốn địa trên, ở trong Định Vị chí thâm nhiếp hữu lậu-vô lậu, cho nên dựa vào Định này có thể diệt năm Nội xứ, và Sắc-Thanh-Xúc ngoại xứ hệ thuộc cõi Dục, cho đến hệ thuộc Tĩnh lự thứ tư. Nếu nói là dựa vào cứu cánh của Diệt mà nói, thì đó là nói đến Vị chí thâm nhiếp Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian và Cận phần Không vô biên xứ, ở trong Định Vị chí chỉ thâm nhiếp vô lậu, cho nên dựa vào Định này có thể diệt năm Nội xứ, và Sắc-Thanh-Xúc ngoại xứ hệ thuộc Tĩnh lự thứ tư. Vì vậy cho nên nói là dựa vào bốn địa hoặc là Vị chí mà diệt.

Ý nội xứ-Pháp ngoại xứ, Ý thức thân và Xúc-Thọ-Tưởng-Tư-Ái thân tương ứng với nó đều hệ thuộc chín địa, và có lúc không hệ thuộc. Hệ thuộc chín địa thì dựa vào bảy địa hoặc là Vị chí mà diệt. Trong đó, hệ thuộc cõi Dục thì dựa vào Định Vị chí mà diệt, cho đến hệ thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì dựa vào bảy Căn bản-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian mà diệt.

Nhưng trong này đã nói về Định, có người nói: Định vô lậu. Có người nói: Định hữu lậu-vô lậu. Cũng như trước đã phân biệt.

Đã nói về Diệt, nếu nói là dựa vào chủng loại của Diệt mà nói, thì đó là nói đến Vị chí đã thâm nhiếp Định Vị chí, Tĩnh lự trung gian, Cận phần của bảy địa trên, ở trong Định Vị chí thâm nhiếp hữu lậu-vô lậu, cho nên dựa vào Định này có thể diệt Ý nội xứ... hệ thuộc cõi Dục, cho đến hệ thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Nếu nói là dựa vào cứu cánh của Diệt mà nói, thì đó là nói đến Vị chí thâm nhiếp Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian, ở trong Định Vị chí chỉ thâm nhiếp vô lậu, cho nên dựa vào Định này có thể diệt Ý nội xứ... hệ thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Vì vậy cho nên nói là dựa vào bảy địa hoặc là Vị chí mà diệt.

Hương-Vị ngoại xứ, Tỷ-Thiệt thức thân, và Xúc-Thọ-Tưởng-Tư-Ái thân tương ứng với nó, đều hệ thuộc cõi Dục cho nên chỉ dựa vào Định Vị chí mà diệt.

Nhãn-Nhĩ-Thân thức thân, và Xúc-Thọ-Tưởng-Tư-Ái thân tương ứng với nó, đều hệ thuộc hai địa cho nên dựa vào Tĩnh lự thứ nhất hoặc là Vị chí mà diệt. Trong đó, hệ thuộc cõi Dục thì dựa vào Định Vị chí

mà diệt, hệ thuộc Tĩnh lự thứ nhất thì dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, Định Vị chí, Tĩnh lự trung gian, Cận phần Tĩnh lự thứ hai mà diệt.

Nhưng trong này đã nói về Định, có người nói: Định vô lậu. Có người nói: Định hữu lậu-vô lậu. Cũng như trước đã phân biệt.

Đã nói về Diệt, có người nói: Dựa vào chủng loại của Diệt mà nói. Có người nói: Dựa vào cứu cánh của Diệt mà nói. Tùy theo sự thích hợp, cũng như trước đã phân biệt. Vì vậy cho nên nói là dựa vào Tĩnh lự thứ nhất hoặc là Vị chí mà diệt.

Bảy Thức trú, tám Pháp thế gian, chín Hữu tình cư, mười Nghiệp đạo, dựa vào Định nào mà diệt?

Đáp: Thức trú thứ nhất, tám Pháp thế gian, Hữu tình cư thứ nhất, mười Nghiệp đạo, dựa vào Vị chí mà diệt; Thức trú thứ hai, Hữu tình cư thứ hai, dựa vào Tĩnh lự thứ nhất hoặc là Vị chí mà diệt; Thức trú thứ ba, Hữu tình cư thứ ba, dựa vào hai địa hoặc là Vị chí mà diệt; Thức trú thứ tư, Hữu tình cư thứ tư, dựa vào ba địa hoặc là Vị chí mà diệt; Hữu tình cư thứ năm, dựa vào bốn địa hoặc là Vị chí mà diệt; Thức trú thứ năm, Hữu tình cư thứ sáu, dựa vào năm địa hoặc là Vị chí mà diệt; Thức trú thứ sáu, Hữu tình cư thứ bảy, dựa vào sáu địa hoặc là Vị chí mà diệt; Thức trú thứ bảy, Hữu tình cư thứ tám-thứ chín, dựa vào bảy địa hoặc là Vị chí mà diệt.

Bảy Thức trú nói rộng ra như chương Đại Chủng Uẩn.

Trong này, Thức trú thứ nhất chỉ hệ thuộc cõi Dục, cho nên chỉ dựa vào Định Vị chí mà diệt. Thức trú thứ hai hệ thuộc Tĩnh lự thứ nhất, cho nên dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, Định Vị chí, Tĩnh lự trung gian, Cận phần Tĩnh lự thứ hai mà diệt. Thức trú thứ ba hệ thuộc Tĩnh lự thứ hai, cho nên dựa vào hai Tĩnh lự đầu, Định Vị chí, Tĩnh lự trung gian, Cận phần Tĩnh lự thứ ba mà diệt. Thức trú thứ tư hệ thuộc Tĩnh lự thứ ba, cho nên dựa vào ba Tĩnh lự đầu, Định Vị chí, Tĩnh lự trung gian, Cận phần Tĩnh lự thứ tư mà diệt. Thức trú thứ năm hệ thuộc Không vô biên xứ, cho nên dựa vào năm Căn bản-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian, Cận phần Thức vô biên xứ mà diệt. Thức trú thứ sáu hệ thuộc Thức vô biên xứ, cho nên dựa vào sáu Căn bản-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian, Cận phần Vô sở hữu xứ mà diệt. Thức trú thứ bảy hệ thuộc Vô sở hữu xứ, cho nên dựa vào bảy Căn bản-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian, Cận phần Phi tưởng phi phi tưởng xứ mà diệt.

Nhưng trong này đã nói về Định, có người nói: Định vô lậu. Có người nói: Định hữu lậu-vô lậu. Cũng như trước đã phân biệt. Đã nói về Diệt, trong này không có hai cách nói sai biệt về chủng loại của Diệt và



cứu cánh của Diệt, bởi vì tất cả đều chỉ là hệ thuộc một địa.

Tám pháp thế gian, đó là:

1. Lợi.
2. Không có lợi.
3. Danh dự.
4. Mang lấy tai tiếng.
5. Ca ngợi.
6. Chê bai.
7. Vui sướng.
8. Khổ đau.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì cần phải ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về nghĩa lý của mình. Nghĩa là Luận giả Phân Biệt và các Sư thuộc Đại Chúng Bộ chấp rằng: Sinh thân của Đức Phật là pháp vô lậu. Vì sao họ đưa ra cách nói này? Bởi vì dựa vào trong kinh. Như trong kinh nói: “Như Lai sinh giữa thế gian, trú giữa thế gian, rời khỏi pháp hiện tại của thế gian, không bị pháp thế gian làm cho nhiễm ô.” Họ dựa vào điều này cho nên nói Sinh thân của Đức Phật là pháp vô lậu. Vả lại, họ nói rằng bởi vì tất cả phiền não và tập khí, Đức Phật đều vĩnh viễn đoạn trừ, làm sao Sinh thân sẽ là hữu lậu? Bởi vì ngăn chặn ý đó để hiển bày Sinh thân của Đức Phật chỉ là pháp hữu lậu chứ không phải là vô lậu, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Vì sao biết Sinh thân của Đức Phật là pháp hữu lậu?

Đáp: Như trong kinh nói: “Tỳ kheo nên biết! Bởi vì Vô minh mà che lấp, do kiết Ái mà ràng buộc, người ngu dốt cảm được thân có Thức, người thông minh cũng như vậy.” Sinh thân của Đức Phật đã là quả của Vô minh và Ái, cho nên biết không phải là pháp vô lậu.

Lại trong kinh nói: “Mười Xứ và phần ít của hai Xứ là hữu lậu.” Vì vậy cho nên biết Sinh thân của Đức Phật chắc chắn là hữu lậu. Nếu Sinh thân của Đức Phật là pháp vô lậu, thì người nữ Vô Tử không nên sinh tâm tham nhiễm, Ương-quật-lợi-ma-la không nên sinh tâm giận dữ, Ô-lô-tần-loa-ca-diếp-ba không nên sinh tâm ngu si, Bà-la-môn Ngao Mạn không nên sinh tâm kiêu mạn. Bởi vì Sinh thân của Đức Phật làm cho người khác sinh tâm tham nhiễm-giận dữ-ngu si-kiêu mạn, cho nên biết chắc chắn là hữu lậu.

Hỏi: Nếu như vậy thì kinh mà họ đã dẫn chứng nên hiểu thế nào?

Đáp: Ý bí mật của kinh ấy là nói về Pháp thân của Đức Phật,

nghĩa là Như Lai sinh giữa thế gian, trú giữa thế gian là nói về Sinh thân của Đức Phật; rời khỏi pháp hiện tại của thế gian, không bị pháp thế gian làm cho nhiễm ô là nói về Pháp thân của Đức Phật.

Lại nữa, pháp thế gian tức là tám pháp thế gian. Bởi vì Như Lai không bị tám pháp thế gian làm cho nhiễm ô, cho nên nói pháp thế gian không nhiễm ô, chứ không phải là nói đến vô lậu. Nghĩa là tám pháp thế gian thuận theo hữu tình thế gian, hữu tình thế gian cũng thuận theo tám pháp thế gian; tám pháp thế gian thuận theo Như Lai, Như Lai không thuận theo tám pháp thế gian, cho nên nói Như Lai không phải là do pháp thế gian làm cho nhiễm ô.

Lại nữa, Như Lai lìa xa tám pháp thế gian, cho nên nói là không nhiễm ô chứ không phải là nói đến vô lậu.

Hỏi: Như Lai cũng có tám pháp thế gian, vì sao nói là lìa xa?

Đáp: Có lợi, là như Trưởng giả Ô-yết-la, ở trong một ngày đem ba trăm ngàn bộ y phục cúng dường Đức Phật; Y vương Thời-phước-ca cùng tám mươi người ở trong một ngày, đều dâng cúng Đức Phật trăm ngàn bộ y Song-kiều-xá-da. Không có lợi, là như Đức Phật vào một lúc nọ khoác y ôm bát, đi vào thôn của Bà-la-môn Sa-la khát thực, ôm bát không mà đi vào rồi ôm bát không mà đi ra.

Có danh dự, là lúc Đức Phật mới sinh ra thì danh tiếng lên đến cõi trời Tha Hóa Tự Tại, lúc chứng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì danh tiếng lên đến cõi trời Sắc Cứu Cánh, lúc Chuyển pháp luân thì danh tiếng lên đến cõi trời Phạm. Mang lấy tai tiếng, là như Đức Phật trong một ngày gặp phải Bà-la-môn nữ Chiến-già phỉ báng, lại vào một lúc nọ bởi vì cô gái Tôn-đà-lợi mà tiếng xấu đồn khắp mười sáu nước lớn.

Có chê bai, là như Bà-la-môn ác miệng Bạt-la-đọa-xà, dùng năm trăm bài tụng mắng chửi ngay trước mặt Đức Phật. Có ca ngợi, là như chính Bà-la-môn ấy, bởi vì sắc diện của Đức Phật không đổi khác, cho nên đã phát sinh niềm tin thanh tịnh, lại dùng năm trăm bài tụng ca ngợi ngay trước mặt Đức Phật. Tôn giả Xá-lợi-tử dùng rất nhiều bài tụng, ca ngợi công đức Vô thượng của Đức Phật ngay trước mặt. Tôn giả Anan-đà dùng rất nhiều bài tụng, ca ngợi pháp vi diệu hiếm có của Đức Phật ngay trước mặt. Như vậy các Đại luận sư như Ô-ba-ly, Bà-kỳ-xa, Ni-la-bộ-đề..., đều dùng trăm ngàn bài tụng mà ca ngợi Đức Phật ngay trước mặt.

Có vui sướng, là Đức Phật có thân tâm thù thắng, cảm thọ niềm vui và niềm vui Khinh an, tất cả hữu tình vốn không có thể sánh kịp. Có

khổ đau, là Đức Thế Tôn cũng có đau lưng-đau đầu, bị gai Khiết-địa-la đâm làm tổn thương chân, và đá văng làm bị thương ngón chân chảy máu.

Những pháp như vậy, Đức Thế Tôn đều có, vì sao nói là lìa xa?

Đáp: Những pháp ấy đều không có thể làm cho Đức Phật sinh tâm nhiễm ô, cho nên gọi là lìa xa. Nghĩa là Phật Thế Tôn tuy gặp được bốn pháp như Lợi... mà tâm không dưng cao, tuy gặp phải bốn pháp như Không có lợi... mà tâm không xuống thấp.

Lại nữa, tuy gặp được bốn pháp như Lợi... mà tâm không vui mừng, tuy gặp phải bốn pháp như Không có lợi... mà tâm không buồn lo.

Lại nữa, tuy gặp được bốn pháp như Lợi... mà tâm không sinh ra nhiễm trước bởi vì vui thích, tuy gặp phải bốn pháp như Không có lợi... mà tâm không sinh ra ưu sầu bởi vì ghét bỏ.

Lại nữa, tuy gặp được bốn pháp như Lợi... mà không sinh ra yêu thích, tuy gặp phải bốn pháp như Không có lợi... mà không sinh ra tức giận.

Ví như núi chúa Diệu Cao ở trên tầng Kim luân, gió mạnh từ tám hướng không có thể làm cho lay động; Đức Thế Tôn cũng như vậy, an trú trên tầng Kim luân của Giới, tám ngọn gió của thế gian vốn không có thể làm cho lay động. Vì vậy mà gọi là không bị pháp thế gian làm cho nhiễm ô, chứ không phải nói rằng Sinh thân là vô lậu cho nên nói là không nhiễm ô.

Hỏi: Như Lai đối với tất cả phiền não và tập khí, đều vĩnh viễn đoạn trừ, tại sao phải nói là hữu lậu?

Đáp: Tuy vĩnh viễn đoạn trừ các lậu trong thân mình, mà có thể tăng trưởng các lậu nơi thân người khác. Và lại, sinh ra từ các lậu của thời gian trước, cho nên nói là hữu lậu. Cho nên bởi vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về nghĩa lý của mình, mà soạn ra phần luận này.

Trong này, Lợi thì có hai loại:

1. Có mạng sống.
2. Không có mạng sống.

Lợi có mạng sống, đó là có được voi-ngựa-trâu-dê, vợ con-tôi tớ...; Lợi không có mạng sống, đó là có được những vật như vàng-bạc-áo quần... Không có lợi, đó chính là không có được hai loại Lợi như trước. Danh dự, đó là không ca ngợi ngay trước mặt. Mang lầy tai tiếng, đó là không chê bai ngay trước mặt. Ca ngợi, đó là sự ca ngợi ngay trước mặt. Chê bai, đó là sự chê bai ngay trước mặt. Vui sướng, đó là sự vui sướng

thuộc thân tâm của cõi Dục. Có người nói: Chỉ chọn lấy niềm vui tương ứng với năm Thức. Khổ đau, đó là sự khổ đau thuộc thân tâm của cõi Dục. Có người nói: Chỉ chọn lấy khổ đau tương ứng với năm Thức.

Hỏi: Tám pháp thế gian này do mấy Giới-mấy Xứ-mấy Uẩn thâm nhiếp?

Đáp: Lợi có mạng sống, do mười bảy Giới-mười một Xứ-năm Uẩn thâm nhiếp trừ ra Thanh, bởi vì Thanh không phải là luôn luôn có, mà chính là thuộc về thân. Lợi không có mạng sống, do bốn Giới-bốn Xứ-một Uẩn thâm nhiếp, đó là Sắc-Hương-Vị-Xúc giới-xứ và Sắc uẩn. Không có lợi-Danh dự-Mang lấy tai tiếng-Ca ngợi-Chê bai-Vui sướng-Khổ đau, do hai Giới-hai Xứ-ba Uẩn thâm nhiếp, đó là Thanh-Pháp giới-xứ và Sắc-Thọ-Hành uẩn.

Trong này, Không có lợi do Pháp giới-Pháp xứ và Hành uẩn thâm nhiếp, bởi vì Không có lợi là không thành tựu. Danh dự-Mang lấy tai tiếng-Ca ngợi-Chê bai, do Thanh giới-Thanh xứ và Sắc uẩn thâm nhiếp. Vui sướng-Khổ đau, do Pháp giới-Pháp xứ và Thọ uẩn thâm nhiếp. Nếu nói chung thì tám pháp thế gian do mười tám Giới- mười hai Xứ-năm Uẩn thâm nhiếp.

Có người nói: Lợi-Không có lợi đều do mười tám Giới-mười hai Xứ- năm Uẩn thâm nhiếp, bởi vì đã có được và vốn không có được đều bao gồm mười tám Giới- mười hai Xứ- năm Uẩn thâm nhiếp, còn lại nói như trước.

Có người nói: Lợi-Không có lợi đều do Pháp giới-Pháp xứ và Hành uẩn thâm nhiếp, bởi vì Lợi-Không có lợi đều dùng tánh của thành tựu và không thành tựu để làm Thể, còn lại nói như trước.

Hỏi: Vì sao tám loại này gọi là pháp thế gian?

Đáp: Bởi vì thuận theo hữu tình thế gian, cho nên gọi là pháp thế gian. Hữu tình thế gian nếu gặp được bốn pháp như Lợi... thì tâm họ dâng cao, nếu gặp phải bốn pháp như Không có lợi... thì tâm họ xuống thấp.

Lại nữa, nếu gặp được bốn pháp như Lợi... thì tâm sinh ra vui mừng, nếu gặp phải bốn pháp như Không có lợi... thì tâm sinh ra buồn lo.

Lại nữa, nếu gặp được bốn pháp như Lợi... thì tâm nhiếp trước cho nên sinh ra vui thích, nếu gặp phải bốn pháp như Không có lợi... thì tâm ghét bỏ cho nên sinh ra ưu sầu.

Lại nữa, nếu gặp được bốn pháp như Lợi... thì tâm sinh ra yêu thích, nếu gặp phải bốn pháp như Không có lợi... thì tâm sinh ra tức giận.

Vì vậy tám loại này gọi là pháp thế gian. Tâm của Như Lai không tùy thuận đối với tám loại này, cho nên nói là không bị pháp thế gian làm cho nhiễm ô.

Hỏi: Thanh văn-Độc giác đoạn dứt yêu-ghét cho nên cũng không thuận theo tám pháp như vậy, vì sao không nói?

Đáp: Bởi vì điều ấy không nhất định, nghĩa là có lúc không nhiễm trước, như chủng tánh Bất động pháp; hoặc lại có lúc nhiễm trước, như chủng tánh Thối pháp.

Lại nữa, bởi vì hàng Nhị thừa hã y còn có pháp tương tự, nghĩa là A-la-hán tuy đoạn dứt yêu-ghét, mà có tập khí sót lại tương tự yêu-ghét.

Như hai vị A-la-hán đều là Bất thời giải thoát, cùng ở một nơi mà một vị thì có được nhiều danh tiếng và sự cung kính cúng dường, một vị thì không có được. Vị có được điều ấy thì tựa như tự dâng cao, như có sự vui mừng yêu thích; vị không có được điều ấy thì tựa như tự xuống thấp, như có sự buồn phiền lo lắng. Vì vậy không nói là không nhiễm trước đối với pháp thế gian.

Chỉ riêng Đức Phật đã vĩnh viễn loại bỏ tập khí yêu-ghét. Giả sử tất cả hữu tình đều có được lợi dưỡng thù thắng-danh dự cung kính, Như Lai không có được một phần nhỏ, nhưng hoàn toàn không có tâm lý tự xuống thấp tựa như trạng thái buồn phiền lo lắng, mà trái lại còn sinh tâm vui mừng. Giả sử một mình Đức Phật có được tất cả lợi dưỡng thù thắng-danh dự cung kính, các hữu tình khác không có được một phần nhỏ, nhưng hoàn toàn không có tâm lý tự dâng cao tựa như trạng thái vui mừng yêu thích, mà trái lại còn sinh tâm thương cảm xót xa. Vì vậy chỉ một mình Đức Phật nói là không nhiễm trước đối với pháp thế gian.

Vả lại, Đức Phật Thế Tôn có được lợi dưỡng mà không dâng cao, bởi vì đoạn dứt tập khí kiêu mạn; không có được lợi dưỡng mà không xuống thấp, bởi vì vui với sự xa lìa; có được danh dự mà không vui mừng, bởi vì đoạn dứt tập khí yêu thích; mang lấy tai tiếng mà không lo lắng, bởi vì đạt được pháp vô úy; ca ngợi mà không sinh tâm mừng vui, bởi vì đoạn dứt tập khí kiêu mạn; chê bai mà không sinh tâm ưu sầu, bởi vì trú trong Tam-ma-địa Không; vui sướng mà không sinh tâm yêu quý, bởi vì trú trong Tam-ma-địa Vô nguyện; khổ đau mà không sinh tâm giận dữ, bởi vì trú trong Tam-ma-địa Vô tướng.

Tám pháp thế gian này chỉ hệ thuộc cõi Dục, cho nên chỉ dựa vào Định Vị chí mà diệt.

Chín Hữu tình cư nói rộng ra như chương Đại Chúng Uẩn.

Trong này, nghĩa về Diệt của bảy loại, nói như bảy Thức trú.

Hữu tình cư thứ năm hệ thuộc Tĩnh lự thứ tư, cho nên dựa vào bốn Tĩnh lự-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian, Cận phần Không vô biên xứ mà diệt.

Hữu tình cư thứ chín hệ thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ, cho nên cho nên dựa vào bảy Căn bản-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian mà diệt.

Nhưng trong này đã nói về Định, có người nói: Định vô lậu. Có người nói: Định hữu lậu-vô lậu. Cũng như trước đã phân biệt.

Trong này cũng không có hai cách nói sai biệt về chủng loại của Diệt và cứu cánh của Diệt, bởi vì tất cả đều chỉ là hệ thuộc một địa.

Mười Nghiệp đạo nói rộng ra như chương Nghiệp Uẩn.

Trong đó, mười nghiệp đạo bất thiện chỉ hệ thuộc cõi Dục, cho nên chỉ dựa vào Định Vị chí mà diệt.

Bảy nghiệp đạo thiện trước hệ thuộc năm địa và không hệ thuộc, hệ thuộc cõi Dục thì dựa vào Định Vị chí mà diệt, cho đến hệ thuộc Tĩnh lự thứ tư thì dựa vào bốn Tĩnh lự-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian, Cận phần Không vô biên xứ mà diệt. Ba nghiệp đạo thiện sau hệ thuộc chín địa và không hệ thuộc, hệ thuộc cõi Dục thì dựa vào Định Vị chí mà diệt, cho đến hệ thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì dựa vào bảy Căn bản-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian mà diệt.

Nhưng trong này dựa vào nghiệp đạo thiện của cõi Dục là đối trị gần của nghiệp đạo bất thiện mà nói, cho nên chỉ dựa vào Định Vị chí mà diệt.

Hỏi: Bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Vô sắc, tám Giải thoát, tám Thắng xứ, mười Biến xứ, dựa vào Định nào mà diệt?

Đáp: Tĩnh lự thứ nhất dựa vào Tĩnh lự thứ nhất hoặc là Vị chí mà diệt; Tĩnh lự thứ hai-Hỷ vô lượng-hai Giải thoát đầu-bốn Thắng xứ trước, dựa vào hai địa hoặc là Vị chí mà diệt; Tĩnh lự thứ ba dựa vào ba địa hoặc là Vị chí mà diệt; Tĩnh lự thứ tư-ba Vô lượng-Tĩnh giải thoát-bốn Thắng xứ sau, tám Biến xứ trước, dựa vào bốn địa hoặc là Vị chí mà diệt; Không vô biên xứ và Giải thoát-Biến xứ của địa ấy, dựa vào năm địa hoặc là Vị chí mà diệt; Thức vô biên xứ và Giải thoát-Biến xứ của địa ấy, dựa vào sáu địa hoặc là Vị chí mà diệt; hai Vô sắc sau, ba Giải thoát sau, dựa vào bảy địa hoặc là Vị chí mà diệt.

Trong này, bốn Tĩnh lự cho đến mười Biến xứ, nói rộng ra như nơi khác.

Bốn Tĩnh lự ấy đều hệ thuộc địa mình và không hệ thuộc, hệ thuộc địa mình thì đều dựa vào địa Căn bản dưới địa mình-Định Vị chí-

Tĩnh lự trung gian và Cận phần của địa tiếp theo phía trên mà diệt.

Nhưng đã nói về Định, là hữu lậu-vô lậu, như trước đã phân biệt.

Đã nói về Diệt, trong này không có hai cách nói sai biệt về chủng loại của Diệt và cứu cánh của Diệt, bởi vì tất cả đều chỉ là hệ thuộc một địa.

Trong bốn Vô lượng thì Hỷ vô lượng hệ thuộc hai Tĩnh lự đầu, cho nên dựa vào hai địa hoặc là Vị chí mà diệt; ba Vô lượng còn lại hệ thuộc bốn địa, cho nên dựa vào bốn địa hoặc là Vị chí mà diệt. Sai biệt trong đó tùy theo thích hợp như trước.

Nhưng đã nói về Định, là hữu lậu-vô lậu, như trước đã phân biệt.

Đã nói về Diệt, có người nói: Dựa vào chủng loại của Diệt mà nói. Có người nói: Dựa vào cứu cánh của Diệt mà nói. Tùy theo sự thích hợp, như trước đã phân biệt. Nhưng ở trong Định Vị chí đều chỉ thâm nhiếp vô lậu, nên biết.

Trong bốn Vô sắc thì ba Vô sắc trước đều hệ thuộc địa mình và không hệ thuộc, hệ thuộc địa mình thì dựa vào địa Căn bản dưới địa mình-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian và Cận phần của địa tiếp theo phía trên mà diệt. Một Vô sắc sau chỉ có hệ thuộc địa mình, dựa vào bảy Căn bản-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian mà diệt.

Nhưng đã nói về Định, là hữu lậu-vô lậu, như trước đã phân biệt. Đối với một Vô sắc sau chỉ cần dựa vào Định vô lậu mà nói.

Đã nói về Diệt, trong này cũng không có hai cách nói sai biệt về chủng loại của Diệt và cứu cánh của Diệt, bởi vì cũng chỉ là hệ thuộc một địa.

Trong tám Giải thoát thì hai Giải thoát đầu, nói như Hỷ vô lượng; Giải thoát của ba Vô sắc dưới nói như ba Vô sắc dưới; hai Giải thoát sau nói như Vô sắc thứ tư.

Tịnh giải thoát hệ thuộc vào địa Tĩnh lự thứ tư, cho nên dựa vào bốn Tĩnh lự-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian, Cận phần Không vô biên xứ mà diệt.

Trong này, đã nói về Định và đã nói về Diệt, đều nói như Tĩnh lự thứ tư.

Trong tám Thắng xứ thì bốn Thắng xứ trước, nói như hai Giải thoát đầu; bốn Thắng xứ sau nói như Tịnh giải thoát.

Trong mười Biến xứ thì tám Biến xứ trước nói như bốn Thắng xứ sau; Biến xứ của Không vô biên xứ chỉ hệ thuộc địa mình, cho nên dựa vào năm Căn bản-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian và Cận phần Thức vô biên xứ mà diệt; Biến xứ của Thức vô biên xứ cũng chỉ hệ thuộc địa

---

mình, cho nên dựa vào sáu Căn bản-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian và Cận phần Vô sở hữu xứ mà diệt.

Nhưng trong này đã nói về Định, là hữu lậu-vô lậu, như trước đã phân biệt.

Đã nói về Diệt, cũng không có hai cách nói sai biệt về chủng loại của Diệt và cứu cánh của Diệt, bởi vì cũng chỉ là hệ thuộc vào địa mình.

Hỏi: Tha tâm trí-Thế tục trí dựa vào Định nào mà diệt?

Đáp: Tha tâm trí dựa vào bốn địa hoặc là Vị chí mà diệt, Thế tục trí dựa vào bảy địa hoặc là Vị chí mà diệt.

Trong này, Tha tâm trí-Thế tục trí, nói rộng ra như nơi khác. Nhưng Tha tâm trí hệ thuộc bốn địa và không hệ thuộc, hệ thuộc

Tĩnh lự thứ nhất thì dựa vào Tĩnh lự thứ nhất-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian, Cận phần Tĩnh lự thứ hai mà diệt; cho đến hệ thuộc Tĩnh lự thứ tư, thì dựa vào bốn Tĩnh lự-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian, Cận phần Không vô biên xứ mà diệt.

Nhưng trong này đã nói về Định, là hữu lậu-vô lậu, như trước đã phân biệt.

Đã nói về Diệt, có người nói: Dựa vào chủng loại của Diệt mà nói. Có người nói: Dựa vào cứu cánh của Diệt mà nói. Cũng tùy theo sự thích hợp, như trước đã phân biệt.

Thế tục trí hệ thuộc chín địa, hệ thuộc cõi Dục thì dựa vào Định Vị chí mà diệt; cho đến hệ thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì dựa vào bảy Căn bản-Định Vị chí-Tĩnh lự trung gian mà diệt.

Nhưng trong này, đã nói về Định và đã nói về Diệt, đều tùy theo sự thích hợp, như trước đã phân biệt. Vì vậy cho nên nói là dựa vào bảy địa hoặc là Vị chí mà diệt.

